

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2019

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Đại Dương**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Hà** và ông **Đoàn Như Kiên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Minh Hải**

Ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 về “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị L** – Sinh ngày: 29/2/1992

Trú tại: Tổ T, thị trấn D, huyện Y, tỉnh L . Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Văn Minh Ân** – Sinh năm: 1986

Trú tại: Tổ T, thị trấn D, huyện Y, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2018 và quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị Linh yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị Trần Thị L và anh Văn Minh Ân tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã N, tỉnh Đ vào ngày 10/9/2012. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống Tổ T, thị trấn D, huyện Y, tỉnh L. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc. Nhưng không biết nguyên nhân nào mà anh Ân thay đổi tính tình, thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị nhiều lần. Gia đình hai bên cũng đã khuyên giải, chị L cố gắng nhẫn nhịn để gia đình êm ấm nhưng

không thành, chị L cùng con về nhà cha mẹ đẻ tại tỉnh Đ ở và làm ăn gần 01 năm mà anh A cũng không chu cấp nuôi con, không quan tâm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Văn Minh A.

Về con chung: Chị L và anh A có 01 con chung tên là Văn Long B – Sinh ngày: 13/12/2015. Chị L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Văn Minh A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh A khai rằng anh và chị L có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã N, tỉnh Đ. Thời gian đầu chung sống các bên khá hạnh phúc nhưng khoảng thời gian gần đây anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Tuy anh có đánh vợ vì tức giận nhưng anh thấy mâu thuẫn không đến mức trầm trọng để ly hôn vì anh vẫn còn thương vợ con. Hiện vợ con anh đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, anh A có mặt nhưng không đồng ý ký vào biên bản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2] Về quan hệ hôn nhân và thẩm quyền giải quyết: Chị L và anh A tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/9/2012 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã N, tỉnh Đ. Điều này phù hợp với Trích lục kết hôn số 63 chị L đã giao nộp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh A là hợp pháp. Quá trình thụ lý vụ án xác định anh A có nơi cư trú tại Tổ T, thị trấn D, huyện Y, tỉnh L. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh L.

Về mâu thuẫn gia đình: Chị L và anh A đều thừa nhận anh chị tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Nhưng từ năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tích cách không hợp, thường xuyên cãi vã và đánh nhau. Cho nên chị L đã mang con về nhà cha mẹ đẻ ở tỉnh Đ để ở hơn nửa năm nay. Trong thời gian đó hai bên không quan tâm, chăm

sóc, lo lắng cho nhau dẫn đến tình cảm hiện nay không còn, hôn nhân không đạt được mục đích. Vì vậy chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ hai phía tuy nhiên các bên không tìm cách khắc phục mà để cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Các bên đã ly thân kéo dài, cuộc sống chung thực tế không tồn tại, quá trình hòa giải tại Tòa án không thành. Như vậy, chị L và anh A đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau, đó là: không còn sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh không thể hàn gắn, hôn nhân không đạt được mục đích, nay chị L yêu cầu ly hôn. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị L và anh A có 01 con chung tên là Văn Long B – Sinh ngày: 13/12/2015, tính đến nay cháu B mới được 3 năm 3 tháng 09 ngày tuổi. Từ lúc chị L bỏ về tỉnh Đ ở và làm ăn, con do chị L trực tiếp chăm sóc nên chị có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi con mà không yêu cầu cấp dưỡng, anh A cũng không chu cấp nuôi con từ khi chị L và con đi nên nguyện vọng của nguyên đơn là phù hợp pháp luật, được công nhận.

[3] Về tài sản: Chị L chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung: Chị L trình bày vợ chồng chị không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Văn Minh A.

Về con chung: Giao con chung là Văn Long B – Sinh ngày: 13/12/2015 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi con

chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Văn Minh A được quyền đi lại thăm nom con chung theo luật định.

Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004974 ngày 30/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh L. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/3/2019), đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện Y;
- UBND xã P, thị xã N, tỉnh Đ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA